

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 135/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-11-2018

V/v “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 747/2018/TLST- HNGĐ ngày 19/9/2018 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 87/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 1081/64, đường L, Tổ 57, Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh B, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài P, sinh năm 1991; Số nhà 1081/64, đường L, Tổ 57, Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh B, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 05/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hoài P kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh B theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 137, quyền số 02/2011 ngày 23/8/2011. Hôn nhân của chị và anh P hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, chị và anh P chung sống với nhau không hạnh phúc thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn và tranh chấp nguyên nhân là do anh P nhiều lần đánh chị và hăm

dọa sẽ giết chị. Anh P đã từng dùng dao đâm chị gái của chị phải đi bệnh viện cấp cứu; anh P cũng đã vài lần đánh và dùng dao cứa để lại vết sẹo trên mặt chị, gần đây nhất là ngày 03/9/2018 anh P đã đánh và bóp cổ chị, hăm dọa đủ điều nên chị đã về nhà mẹ chị sinh sống. Với tính cách như vậy của anh P thì chị không thể nào tiếp tục sống chung được nữa. Chị và anh P đã sống ly thân với nhau. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoài P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Hoài Gia B, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Hoài Gia K, sinh ngày 06/8/2016. Chị Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện: Chị Q đã nộp giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của người nộp đơn (bản chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn (bản chứng thực); giấy khai sinh cháu Nguyễn Hoài Gia B (bản chứng thực); giấy khai sinh cháu Nguyễn Hoài Gia K (bản chứng thực); biên bản giao nhận ngày 04/9/2018 (bản chính).

* Bị đơn anh Nguyễn Hoài P trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị Q về thời gian kết hôn. Anh và chị Q kết hôn trên tinh thần tự nguyện.

Sau khi kết hôn giữa anh và chị Q cũng có mâu thuẫn nhưng lý do là trong lúc anh nóng giận thì chị Q không nhin mà còn cãi lại và anh cũng phát hiện chị Q có những tin nhắn lạ. Anh có đánh chị Q 03 lần, đúng là khi đánh anh có cầm dao nhưng chỉ dọa chị Q, thực tế anh không bao giờ làm chuyện gì có hại. Anh cũng đã nói với chị Q là khi anh nóng thì đừng cãi, anh không thể kìm chế được nhưng chị Q lại hay cãi, không nhường anh. Chuyện anh đâm chị vợ anh là do lúc đó chị vợ anh dẫn vợ anh đi chơi với những người đàn ông khác, vì bức tức nên anh làm như vậy.

Ngày 02/9/2018, anh và chị Q phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị Q đòi dọn về nhà ba mẹ vợ sinh sống nhưng anh không đồng ý, anh không cho nhưng chị Q vẫn đi. Hiện nay, anh không đồng ý ly hôn với chị Q vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: Anh và chị Q có 02 con chung tên Nguyễn Hoài Gia B, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Hoài Gia K, sinh ngày 06/8/2016. Khi anh và chị Q vẫn còn hòa thuận, sinh sống cùng với nhau mà vẫn không đủ tiền nuôi con nên việc chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và cháu K anh không đồng ý.

Trường hợp Tòa án cho ly hôn với chị Q thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoài Gia K, sinh ngày 06/8/2016. Anh đồng ý giao cháu Nguyễn Hoài Gia B, sinh ngày 29/01/2010 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Mỗi người nuôi dưỡng một đứa con thì không ai cấp dưỡng cho ai.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các

thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với đương sự: Do bị đơn anh Nguyễn Hoài P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị gì khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy Q là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Nguyễn Hoài P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Trần Thị Thúy Q và anh Nguyễn Hoài P kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh B theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 137, quyển số 02/2011 ngày 23/8/2011, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Theo chị Q khai: Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh P nhiều lần đánh chị và hăm dọa sẽ giết chị. Anh P đã từng dùng dao đâm chị gái của chị phải đi bệnh viện cấp cứu; anh P cũng đã vài lần đánh và dùng dao cứa để lại vết sẹo trên mặt chị, gần đây nhất là ngày 03/9/2018 anh P đã đánh và bóp cổ chị, hăm dọa đủ điều nên chị đã về nhà mẹ chị sinh sống, chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh P không thay đổi nên chị không thể nào tiếp tục sống chung được nữa. Chị và anh P đã sống ly thân với nhau. Hiện nay, chị không còn tình cảm với anh P, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoài P.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau về mọi mặt. Mặc dù trong cuộc sống vợ chồng không thể tránh khỏi những mâu thuẫn, xung đột nhưng vợ chồng phải tìm cách giải quyết để xây dựng hạnh phúc gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P thừa nhận có đánh chị Q, có dùng dao hăm dọa nhưng ý kiến của anh cho rằng vì bản thân nóng tính, anh P yêu cầu chị Q phải nghe lời anh và khi anh nóng tính thì chị Q không được cãi lại. Như vậy, cuộc sống vợ chồng của anh P, chị Q có nhiều bất đồng trong cách cư xử, trong giao tiếp và không có sự nhường nhịn lẫn nhau, do đó đã có việc anh P đánh chị Q và sử dụng dao để hăm dọa, bản thân chị Q xác định không còn tình cảm với anh P,

vợ chồng không thể hàn gắn được nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Bản thân anh P không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra được phương án để đoàn tụ gia đình, hàn gắn tình cảm và khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa thì anh P cũng không đến. Do đó, có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Q và anh P rất nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có cơ sở.

[2.3] Về con chung: Chị Q và anh P có hai con chung là cháu Nguyễn Hoài Gia B, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Hoài Gia K, sinh ngày 06/8/2016. Chị Q yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy: Qua làm việc nguyện vọng của cháu B muốn sống cùng chị Q, còn cháu K còn nhỏ và cả hai cháu đang sống cùng chị Q, để đảm bảo sự gần gũi tình cảm anh em của các cháu. Vì vậy, cần giao cháu B và cháu K cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

- Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh P lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Về cấp dưỡng: Chị Q không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Hoài Gia B và cháu Nguyễn Hoài Gia K, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 69, 71, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 do Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy Q đối với anh Nguyễn Hoài P về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1/ Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Thúy Q được ly hôn với anh Nguyễn Hoài P.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyền số 02/2011 ngày 23/8/2011 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh B cấp cho chị Trần Thị Thúy Q và anh Nguyễn Hoài P không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài Gia B, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Hoài Gia K, sinh ngày 06/8/2016 cho chị Trần Thị Thúy Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh P lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng: Chị Q không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Hoài Gia B và Nguyễn Hoài Gia K, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thúy Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0022676 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh B.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường P, TP.T.
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa Hạnh